Số: 58/BC-UBND
Thời gian ký: 20/01/2021 10:58:26 +07:00

Phụ lục IV

TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN RÀ SOÁT TRƯỜNG, LỚP

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /01/2021 của UBND huyện Mường Khương)

TT	Đơn vị/Cấp học	Hiện trạng cơ sở vật chất theo Thông tư số 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26/3/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo																		Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Đề án															Ghi chú
		Khối phòng hành chính quản trị		Khối phòng học tập/ Chăm sóc nuôi dưỡng				Khối phòng hỗ trợ học tập		Phòng công vụ giáo viên		Phòng ở HS bán trú		Nhà đa năng	Nhà bếp	Nhà ăn	Nhà tắm	Nhà vệ sinh	Diện tích đất (m2)	Số phòng hành chính quản trị được đầu tư xây dựng mới	Số phòng học được đầu tư xây dựng mới	Số phòng học bộ môn được đầu tư xây dựng mới	Số phòng hỗ trợ học tập được đầu tư xây dựng mới	Số nhà đa năng được đầu tư xây dựng mới	Số phòng công vụ GV được đầu tư xây dựng mới	Số phòng ở HS bán trú được đầu tư xây dựng mới	Số nhà ăn-bếp được đầu tư xây dựng mới	Số nhà tắm được đầu tư xây dựng mới	Số nhà vệ sinh được đầu tư xây dựng mới	Số diện tích đất được mở rộng thêm	Kinh phí huy động thực hiện Đề án				
		Tổng số	Kiên cố	Phòng học		Phòng bộ môn		Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố																			Tổng số (Tr.đồng)	Chia ra			
				Tổng số	Kiên cố	Tổng số	Kiên cố																										Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Huy động XHH	
Huyện MK		**278**	**214**	**817**	**528**	**148**	**137**	**93**	**66**	**335**	**113**	**307**	**147**	**1**	**145**	**25**	**74**	**355**	**431.719**	**42**	**442**	**2**	**-**	**3**	**226**	**110**	**25**	**13**	**53**	**-**	**221.600**	**132.960**	**67.040**	**21.600**	
1	Mầm non	96	65	247	83	11	8	19	5	84	4	-	-	-	119	9	28	206	93.106	14	117			1	68		11	3	29		69.400	41.640	21.760	6.000	
2	Tiểu học	76	48	411	292	56	48	37	26	134	63	123	39	-	16	7	23	106	189.558	11	164			1	78	48	7	5	10		72.000	43.200	21.300	7.500	
3	THCS	106	101	159	153	81	81	37	35	117	46	184	108	-	10	9	23	43	149.055	17	161	2		1	80	62	7	5	14		80.200	48.120	23.980	8.100	
4	THPT, GDTX	16	16	76	76	24	24	-	-	26	26	128	128	1	4	4	10	10	60.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	